TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 42/2024/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 21 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa:

Chị **Nông Thị Ch** 42 tuổi

Địa chỉ: Thôn N- xã L- huyện L- tỉnh Y.

Anh **Hoàng Văn K** 45 tuổi

Địa chỉ: Thôn N- xã L- huyện L- tỉnh Y.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26 và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý K về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Ch

Bị đơn: Anh Hoàng Văn K

2- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Ch và anh Hoàng Văn K nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba cháu là Hoàng Thị Th sinh ngày 16-11-2006, Hoàng Thu Y sinh ngày 20-10-

2009 và Hoàng Duy Kh sinh ngày 11-9-2013; chị Nông Thị Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ (*Bẩy trăm nghìn đồng*)/1 cháu kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị Ch rút yêu cầu, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện do đó đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết nợ chung vợ chồng khi ly hôn.

- Về án phí: Chị Nông Thị Ch nhận chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Ch đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/ 0001655 ngày 12-3-2024.

+ Trả lại cho chị Nông Thị Ch số tiền 375.000 đồng tạm ứng án phí giải quyết nợ chung đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001655 ngày 12-3-2024.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, tập QĐ.

Phan Duy Đô